

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3-GIA LAI
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HS-ST
Ngày 22-9-2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3-GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đức Thắng;
- Ông Lưu Văn Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hữu Xuân Lộc là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Cẩm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 22/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn S, sinh ngày 17 tháng 10 năm 1998, tại Gia Lai; số CCCD: 052098004958; quê quán: Thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai; nơi thường trú: Thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T và bà Trần Thị B; vợ, con: Chưa có; tiền sự, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ, tạm giam: Ngày 18/01/2025; tạm tha: Chưa; bị cáo hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực P thuộc Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh G, có mặt.

2. Trương Đức K, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1995, tại Gia Lai; số CCCD: 052095005074; quê quán: Thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai; nơi thường trú: Thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn M và bà Trần Thị H; có vợ và 01 người con, sinh năm 2024; tiền sự, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 25/12/2020, bị

Công an huyện P, tỉnh Bình Định, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “sử dụng và tàng trữ trái phép chất ma túy”, bằng hình thức phạt tiền, theo Quyết định số: 22/QĐ-XPHC (đã nộp phạt ngày 28/12/2020); bị bắt tạm giữ, tạm giam: Ngày 18/01/2025; tạm tha: Chưa; bị cáo hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực P thuộc Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh G, có mặt;

3. Đinh Quang L, sinh ngày 02 tháng 7 năm 1997, tại Gia Lai; số CCCD: 052097005360; quê quán: Thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai; nơi thường trú: Thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Thanh H1 và bà Nguyễn Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền sự, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ, tạm giam: Ngày 18/01/2025; tạm tha: Chưa; bị cáo hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực P thuộc Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh G, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1991; nơi thường trú: Thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

+ Bà Trần Thị H, sinh năm 1971; nơi thường trú: Thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị H: Ông Trương Văn M, sinh năm 1970; nơi thường trú: Thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai. (Theo Giấy uỷ quyền lập ngày 09/9/2025) (Có mặt)

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 2001; nơi thường trú: Thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai; (Vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 2001; nơi thường trú: Thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai; (Vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1998; nơi thường trú: Thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai; (Vắng mặt)

+ Ông Trần Minh Đ, sinh năm 1990; nơi thường trú: Thôn C, xã P, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 16/01/2025 Nguyễn Văn S rủ Trương Đức K góp tiền mua ma túy “đá” về cùng sử dụng, K đồng ý. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, K chuyển tiền qua ví MOMO cho S 1.000.000 đồng để góp mua ma túy. Do không có xe để đi mua ma túy nên S gọi điện cho Đinh Quang L chở S đi mua

ma túy đá về để sử dụng chung thì L đồng ý. Sau đó, L chở S đi thị xã H để mua ma túy nhưng không liên hệ được người bán ma túy nên S và L quay lại nhà K, hỏi K chỗ bán ma túy. K cho S số điện thoại của người bán ma túy (thông qua bạn bè ngoài xã hội thì K có số điện thoại của người bán ma túy nhưng không rõ nhân thân, lai lịch). S mượn điện thoại của L gọi điện qua zalo cho người bán ma túy hỏi mua 2.000.000 đồng ma túy đá và xin thêm 01 nỏ thủy tinh thì người này đồng ý và hẹn S vào Q để nhận ma túy. Khoảng 15 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Novo, biển số 77D1-10725 (xe của anh rể L là Nguyễn Văn N1) chở S đến trước quán cà phê gần vòng xoay giao nhau giữa đường L và đường N thành phố Q, tỉnh Bình Định để nhận ma túy từ người bán. Khi đến nơi S đưa cho người bán ma túy 2.000.000 đồng tiền mặt, người này đưa cho S 01 gói ma túy “đá” đựng trong túi nylon dạng túi zip và 01 nỏ thủy tinh. Sau khi nhận ma túy, L chở S về đến đoạn gần chân cầu T, L và S rủ nhau cùng sử dụng ma túy, L dừng xe tại gốc cây ven đường, S lấy 01 chai nước có nắp chai đục 02 lỗ tròn gần sẵn 01 ống hút, S gắn nỏ thủy tinh vừa mua được vào nắp chai tạo thành bộ dụng cụ sử dụng ma túy hoàn chỉnh. Sau đó S trích 01 ít ma túy vừa mua được đổ vào nỏ thủy tinh rồi sử dụng hết cùng với L. Sau khi sử dụng xong S và L về nhà và bàn nhau sẽ tiếp tục sử dụng số ma túy này cùng với K.

Đến khoảng 19 giờ ngày 16/01/2025, sau khi ăn cúng tất niên tại nhà S thì S, L, K rủ nhau đến khu vực nghĩa địa thuộc thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai) cùng nhau sử dụng ma túy. S đem gói ma túy mua được và cầm theo bộ dụng cụ sử dụng ma túy đến nghĩa địa, S trích 01 ít ma túy đổ vào nỏ, rồi đốt nóng bầu nỏ cho ma túy chảy ra, S, L và K thay nhau sử dụng hết ma túy trong nỏ rồi về.

Sau khi về nhà, S chia nhỏ số ma túy còn lại thành nhiều phần để bán lại kiếm lời, trong đêm ngày 16/01/2025, Nguyễn Văn S nhiều lần bán ma túy cho người khác, cụ thể như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 16/01/2025, Nguyễn Văn P gọi điện messenger cho S mua 300.000 đồng ma túy đá, S đồng ý bán và hẹn P đến trước nhà S để lấy ma túy. S trích 01 ít ma túy đổ vào 01 mảnh giấy nhỏ rồi gói lại, đưa cho P và lấy 300.000 đồng, S thu lời 50.000 đồng. Sau khi mua ma túy về P đem ra bờ biển thuộc thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai sử dụng một mình hết số ma túy trên.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, Nguyễn Thanh V gọi điện messenger cho S hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá, S đồng ý bán. S cung cấp số tài khoản 0966138677 - M1 tên Nguyễn Văn S cho V, V chuyển khoản cho S 300.000 đồng, S hẹn V đến trước nhà S để giao ma túy. S trích 01 ít ma túy đựng trong 01 đoạn ống hút nhựa rồi dùng bật lửa hàn kín 02 đầu tạo thành gói ma túy, bán cho V, S thu lợi 50.000 đồng. Sau khi mua ma túy, V mang ma túy đến bụi cây gần nhà S sử dụng hết một mình, rồi đi về nhà.

Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Văn N2 gọi điện qua messenger cho S hỏi mua 300.000 đồng, S đồng ý bán và hẹn N2 đến trước nhà S để giao ma túy. S trích 01 ít ma túy đổ vào trong 01 đoạn ống hút rồi hàn kín 02 đầu, giao gói ma túy cho N2 và lấy 300.000 đồng tiền mặt từ N. Sau khi mua ma túy, N2 mang ma túy đến bãi cát gần nhà mình sử dụng hết một mình.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày Trương Đức K liên hệ S lấy 01 ít ma túy để sử dụng, S trích 01 ít ma túy vào 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng rồi gói lại, sau đó S cầm đến nhà K đưa cho K. Sau đó K sử dụng một mình hết số ma túy S đưa.

Đến khoảng 09 giờ ngày 17/01/2025, K rủ S đến quán T3 thuộc thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn C, xã P, tỉnh Gia Lai) do Trần Minh Đ là chủ sở hữu để sử dụng ma túy. S đồng ý và gọi điện rủ L cùng tham gia sử dụng ma túy. Sau đó, K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77D1-49769 (xe của mẹ ruột K là Trần Thị H) đến nhà S đón S. Tại nhà S, S đưa lại cho K 200.000 đồng và nói số tiền 1.000.000 đồng K góp để mua ma túy sử dụng và K đã sử dụng 02 lần; 01 lần tại nghĩa địa và 01 lần S đưa K sử dụng tại nhà. S và K chơi ma túy cùng nhau 01 lần nữa, số ma túy còn lại là của S tùy S quyết định thì K đồng ý. Sau đó, K chờ S đón L rồi cùng nhau đến quán Gạo G, S cầm theo gói ma túy và bộ D sử dụng ma túy. Khi đến quán thì K có việc phải đi về nên S và L đi vào trong quán, S và L gọi nước uống, chơi game chờ K quay lại. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, K quay lại quán T3. Sau đó S gọi điện rủ thêm Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn P rủ Nguyễn Văn N2 đến quán T3 uống nước. Lúc này S lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm một bình nhựa có nửa trên màu cam, gắn ống hút nhựa màu trắng và 01 nỏ thủy tinh. S lấy gói ma túy S và L đã mua vào ngày 16/01/2025 ra, S trích 01 ít đổ vào nỏ thủy tinh rồi dùng bật lửa đốt nóng ma túy chảy ra đưa cho K, L và S cùng sử dụng. Một lúc sau thì P và N2 đến thấy có ma túy nên tham gia sử dụng cùng K, S và L. Trong lúc sử dụng ma túy thì S trích gói ma túy đổ vào 02 đoạn ống hút nhựa tạo thành 02 gói ma túy, 01 ít ma túy còn trong gói ma túy lớn, các gói ma túy này S cất trong người mục đích để bán cho người khác. Khi S, L, K, P và N2 đang sử dụng ma túy thì bị Đoàn biên phòng M2 và Công an xã M phát hiện bắt quả tang.

Kết quả test nước tiểu: Nguyễn Văn S, Trương Đức K, Đinh Quang L, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thanh V dương tính với ma túy Methamphetamine.

Vật chứng, đồ vật tạm giữ: 02 gói nilon kích thước 1,5x0,5cm bên trong chứa các hạt tinh thể; 01 gói nilon kích thước 4,5x4cm bên trong có chứa các hạt tinh thể; 01 nỏ thủy tinh có chiều dài 18cm, một đầu có dạng hình phễu bên trong bám dính các chất rắn; 01 nỏ thủy tinh bị bể gồm 03 mảnh (mảnh thứ nhất có chiều dài 02cm một đầu có gắn ống hút nhựa; mảnh thứ hai có chiều dài 08cm hình dạng phễu đã bị bể bên trong có bám dính các chất rắn;

mảnh thứ ba không có hình dạng có chiều dài 01cm); 01 kéo kim loại, 01 ống hút nhựa, 02 bật lửa, 01 bình nhựa có nửa trên màu cam, bên trên có gắn ống hút nhựa màu trắng; 01 điện thoại OPPO Reno 8T màu xám đen IMEI1: 863126062097430; IMEI2: 863126062097422; 01 điện thoại OPPO Reno10 5G màu xanh tím IMEI1: 861042060779311, IMEI2: 861042060779303; 01 điện thoại OPPO A15s màu xanh tím IMEI1: 862562055496190, IMEI2: 862562055496182; 01 xe mô tô Honda hiệu Airblade màu đen biển kiểm soát 77D1- 497.69; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Novo, biển kiểm soát 77D1-107.25.

Ngày 19/01/2025, Phòng K1 - Công an tỉnh B có bản Kết luận giám định số: 47/KL-KTHS kết luận:

- Các hạt tinh thể màu trắng đựng bên trong 02 gói nilon kích thước (1,5x0,5) và 01 gói nilon kích thước (4,5x4)cm gửi giám định đều là ma túy, có tổng khối lượng 0,7487 gam, là loại Methamphetamine.

- Chất rắn màu nâu bám dính bên trong một nỏ thủy tinh dài 18cm, 01 đầu dạng hình phễu gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, lượng mẫu chất bám dính ít không đủ xác định khối lượng.

- Chất rắn màu nâu bám dính bên trong một nỏ thủy tinh bị vỡ gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, lượng mẫu chất bám dính không đủ xác định khối lượng.

Tại bản cáo trạng số: 12/CT-VKS-KV3 ngày 20/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Nguyễn Văn S ra trước Tòa án nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai để xét xử về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và các điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố các bị cáo Trương Đức K và Đinh Quang L ra trước Tòa án nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai để xét xử về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn S, Trương Đức K, Đinh Quang L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Các bị cáo nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật; bản kết luận giám định đối với ma túy bị Công an thu giữ là đúng; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo là đúng, không oan. Bị cáo S xác định quá trình làm việc, Cơ quan điều tra đấu tranh thì bị cáo khai nhận các lần mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo S xác định 03 gói ma túy mà Công an thu giữ của bị cáo là bị cáo tàng trữ mục đích bán cho người khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo; nêu luận tội và đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm các tội “Mua bán trái phép chất ma túy và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; các bị cáo Trương Đức K, Đinh Quang L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

+ Áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 255; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn S chấp hành hình phạt chung của 02 tội từ 12 năm đến 13 năm tù.

+ Áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 255; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, tuyên phạt bị cáo Trương Đức K từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù.

+ Áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 255; các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, tuyên phạt bị cáo Đinh Quang L từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo lao động tự do, thu nhập thấp, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền 900.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn S dùng để mua bán trái phép chất ma túy và thu lợi bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy và số tiền 200.000 đồng của bị cáo Trương Đức K dùng vào việc góp mua ma túy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tuyên tịch thu, tiêu hủy:

++ 01 bì thư dán kín bên ngoài đóng dấu của Phòng K1 công an tỉnh B có chữ ký ghi tên Võ Tấn N3, Lê Tuấn T1, Nguyễn Thành T2. Mặt còn lại bì thư có ghi hoàn lại đối tượng giám định: vỏ bao bì đựng mẫu vật, 01 nỏ thủy tinh dài 18cm, 01 nỏ thủy tinh bị vỡ và 0,5932 gam mẫu A01 còn lại sau giám định;

++ 01 kéo kim loại, 01 ống hút nhựa, 02 bật lửa, 01 bình nhựa có nửa trên màu cam, bên trên có gắn ống hút nhựa màu trắng;

++ Tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno 8T màu xám đen IMEI 1: 863126062097430; số IMEI 2: 863126062097422 của bị cáo S. 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO

Reno 10 5G màu xanh tím IMEI 1: 861042060779311; số IMEI 2: 861042060779303 của bị cáo K và 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO A15s màu xanh tím IMEI 1: 862562055496190; số IMEI 2: 862562055496182 của bị cáo L.

+ Trả lại tài sản cho những người sau:

++ Trả lại cho bà Trần Thị H: 01 xe mô tô Honda hiệu Airblade màu đen biển kiểm soát 77D1- 497.69;

++ Trả lại cho ông Nguyễn Văn N1: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Novo, biển kiểm soát 77D1-107.25.

- Trách nhiệm dân sự: Không có.

Các bị cáo S, K, L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên, Cán bộ điều tra; Viện kiểm sát nhân dân; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét thấy lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn S, Trương Đức K, Đinh Quang L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của người làm chứng; phù hợp với các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; bản kết luận giám định chất ma túy; kết quả test nước tiểu. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Sáng ngày 16/01/2025, bị cáo Nguyễn Văn S và bị cáo Trương Đức K góp tiền mua ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy, vì không có xe nên bị cáo S đã nhờ bị cáo Đinh Quang L chở S mua ma túy về cùng tổ chức sử dụng. Sau khi có ma túy, các bị cáo S, K và L đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy 03 lần cụ thể: Vào chiều ngày 16/01/2025, tại chân cầu T, thuộc xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai), các bị cáo S và L cùng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; tối ngày 16/01/2025, tại khu vực nghĩa địa thôn T,

xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai), các bị cáo S, K, L cùng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; chiều ngày 17/01/2025, tại quán T3 thuộc thôn C, xã M, huyện P (nay là thôn C, xã P, tỉnh Gia Lai), các bị cáo S, K cùng tổ chức cho các bị cáo S, K, L và các đối tượng Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn N2 sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Đoàn Biên phòng M2 phối hợp với Công an xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là Công an xã P, tỉnh Gia Lai) kiểm tra phát hiện bắt quả tang và thu giữ 03 gói nilon trong người của bị cáo S, 02 nỏ thủy tinh và các vật dụng khác.

Ngoài ra, từ khoảng 20 giờ đến khoảng 21 giờ 30 phút ngày 16/01/2025, bị cáo Nguyễn Văn S đã 03 lần bán ma túy cho các đối tượng Nguyễn Văn P, Nguyễn Thanh V, Nguyễn Văn N2, với tổng số tiền 900.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 47/KL-KTHS, ngày 19/01/2025 của Phòng K1-Công an tỉnh B (Nay là Công an tỉnh G) kết luận: Chất rắn màu nâu bám dính bên trong một nỏ thủy tinh dài 18cm, gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, lượng mẫu chất bám dính ít không đủ xác định khối lượng; chất rắn màu nâu bám dính bên trong một nỏ thủy tinh bị vỡ gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, lượng mẫu chất bám dính không đủ xác định khối lượng và các hạt tinh thể màu trắng đựng bên trong 03 gói nilon gửi giám định đều là ma túy, có tổng khối lượng 0,7487 gam, là loại Methamphetamine.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn S, Trương Đức K và Đinh Quang L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng số: 12/CT-VKS-KV3 ngày 20/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn S, Trương Đức K, Đinh Quang L là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, trong đó: bị cáo S và bị cáo K là người góp tiền mua ma túy, bị cáo S cung cấp dụng cụ sử dụng ma túy, bị cáo K cung cấp số điện thoại của người bán ma túy, bị cáo L là người chở bị cáo S đi mua ma túy về cùng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

[4] Về trách nhiệm hình sự: Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, khách thể được pháp luật Nhà nước bảo hộ bị xâm phạm, động cơ mục

đích phạm tội của các bị cáo, hậu quả nguy hại cho xã hội của các bị cáo thì việc cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định nhằm để cải tạo, giáo dục các bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc trong cuộc sống; đồng thời để góp phần đấu tranh trong công tác phòng, chống tội phạm hiện nay.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.2.1] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nhận tội, nhận thức lỗi lầm, ăn năn hối cải; các bị cáo tự thú các lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trước đó. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5.2.2] Gia đình bị cáo L có công cách mạng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo Sơn phạm nhiều tội, nên quyết định hình phạt đối với từng tội, sau đó tổng hợp các hình phạt đó theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[8.1] Bị cáo S đã 03 lần bán ma túy cho người khác được số tiền 900.000 đồng. Đây là số tiền bị cáo S sử dụng vào việc phạm tội và số tiền thu lợi bất chính, nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8.2] Số tiền 200.000 đồng của bị cáo K do bị cáo S trả lại. Đây là số tiền sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

[8.3] 01 (Một) bì thư dán kín niêm bên ngoài đóng dấu của Phòng K1, Công an tỉnh B có chữ ký ghi tên Võ Tấn N3, Lê Tuấn T1, Nguyễn Thành T2; mặt còn lại bì thư có ghi hoàn lại đối tượng giám định: Võ bao bì đựng mẫu vật: 01 (Một) nỏ thủy tinh dài 18cm, 01 (Một) nỏ thủy tinh bị vỡ và 0,5932 gam mẫu A01 còn lại sau giám định. 01 (Một) kéo kim loại. 01 (Một) ống hút nhựa. 02 (Hai) bật lửa. 01 (Một) bình nhựa có nửa trên màu cam bên trên có gắn ống hút nhựa màu trắng. Đây là những vật Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành và vật không có giá trị, nên tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại các

điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8.4] 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno 8T màu xám đen IMEI 1: 863126062097430; số IMEI 2: 863126062097422. Đây là tài sản của bị cáo S, nhưng bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[8.5] 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno 10 5G màu xanh tím IMEI 1: 861042060779311; số IMEI 2: 861042060779303. Đây là tài sản của bị cáo K, nhưng bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[8.6] 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO A15s màu xanh tím IMEI 1: 862562055496190; số IMEI 2: 862562055496182. Đây là tài sản của bị cáo L, nhưng bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8.7] 01 (Một) xe mô tô Honda hiệu Airblade màu đen biển số 77D1-49769. Đây là tài sản của bà Trần Thị H, bị cáo K sử dụng vào việc phạm tội nhưng bà H không biết. Do đó, trả lại cho bà Trần Thị H theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[8.8] 01 (Một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe novo, biển số 77D1-10725. Đây là tài sản của ông Nguyễn Văn N1, bị cáo L sử dụng vào việc phạm tội, nhưng ông N1 không biết. Do đó, trả lại cho ông N1 theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[9] Đối với các vấn đề khác:

[9.1] Đối với các bị cáo Trương Đức K, Đinh Quang L không biết mục đích bị cáo S mua ma túy về để bán, các bị cáo K và L không tham gia giúp sức, không hưởng lợi gì từ việc mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo S. Bị cáo K góp tiền, bị cáo L chở bị cáo S đi mua ma túy mục đích về để cùng sử dụng chung, nên không xử lý các bị cáo Trương Đức K và Đinh Quang L với vai trò đồng phạm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng quy định của pháp luật.

[9.2] Đối với Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn N2 tham gia sử dụng ma túy cùng với các bị cáo Nguyễn Văn S, Trương Đức K và Đinh Quang L với vai trò thụ hưởng, không có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên không xử lý Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn N2 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Công an tỉnh G đã xử phạt hành chính Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn N2 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đúng quy định.

[9.3] Đối với Nguyễn Thanh V có hành vi mua ma túy của bị cáo Nguyễn Văn S về sử dụng một mình. Công an tỉnh G đã xử phạt hành chính đối với Nguyễn Thanh V về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đúng quy định.

[9.4] Đối với Nguyễn Văn P có hành vi mua ma túy của bị cáo Nguyễn Văn S về sử dụng một mình. Công an tỉnh G đã xử phạt hành chính đối với Nguyễn Văn P về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đúng quy định.

[9.5] Đối với Nguyễn Văn N2 có hành vi mua ma túy của bị cáo Nguyễn Văn S về sử dụng một mình. Công an tỉnh G đã xử phạt hành chính đối với Nguyễn Văn N2 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đúng quy định.

[9.6] Đối với Trần Minh Đ là chủ quán trà sữa “Gạo Gạo”, không biết việc các bị cáo Nguyễn Văn S, Trương Đức K, Đinh Quang L và các đồng phạm Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn N2 sử dụng ma túy tại quán nên không xem xét xử lý đúng quy định.

[9.7] Đối với bà Trần Thị H không biết việc bị cáo Trương Đức K sử dụng xe mô tô để chở các bị cáo S, L đi sử dụng ma túy, nên không xem xét xử lý đúng quy định.

[9.8] Đối với ông Nguyễn Văn N1 không biết việc bị cáo Đinh Quang L sử dụng xe mô tô chở bị cáo Nguyễn Văn S đi mua ma túy, nên không xem xét xử lý là đúng quy định.

[9.9] Đối với người bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Văn S không xác định nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ để xử lý.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với vụ án: Về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ và đề nghị hình phạt đối với các bị cáo đều phù hợp, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm a, b khoản 2 Điều 255, các điểm r, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, đối với bị cáo Nguyễn Văn S;

Căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 255; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, đối với bị cáo Trương Đức K;

Căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 255; các điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, đối với bị cáo Đinh Quang L;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; các điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106; các Điều 135, 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm các tội “Mua bán trái phép chất ma túy và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; các bị cáo Trương Đức K, Đinh Quang L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 07 (B1) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 05 (N4) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn S chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 18/01/2025).

2.2. Xử phạt bị cáo Trương Đức K 04 (Bốn) năm 06 (S1) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 18/01/2025).

2.3. Xử phạt bị cáo Đinh Quang L 04 (B2) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 18/01/2025).

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

3.1. Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước:

3.1.1. Buộc bị cáo Nguyễn Văn S nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 900.000 (Chín trăm nghìn) đồng;

3.1.2. Buộc bị cáo Trương Đức K nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

3.2. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno 8T màu xám đen IMEI 1: 863126062097430; số IMEI 2: 863126062097422. 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno 10 5G màu xanh tím IMEI 1: 861042060779311; số IMEI 2: 861042060779303. 01 (Một)

điện thoại di động hiệu OPPO A15s màu xanh tím IMEI 1: 862562055496190; số IMEI 2: 862562055496182.

3.3. Tịch thu, tiêu hủy: 01 (Một) bì thư dán kín niêm bên ngoài đóng dấu của Phòng K1, Công an tỉnh B có chữ ký ghi tên Võ Tấn N3, Lê Tuấn T1, Nguyễn Thành T2, mặt còn lại bì thư có ghi hoàn lại đối tượng giám định: Võ bao bì đựng mẫu vật: 01 (Một) nỏ thủy tinh dài 18cm, 01 (Một) nỏ thủy tinh bị vỡ và 0,5932 gam mẫu A01 còn lại sau giám định; 01 (Một) kéo kim loại; 01 (Một) ống hút nhựa; 02 (Hai) bật lửa; 01 (Một) bình nhựa có nửa trên màu cam bên trên có gắn ống hút nhựa màu trắng.

3.4. Trả lại tài sản cho những người sau:

[3.4.1] Trả lại cho bà Trần Thị H: 01 (Một) xe mô tô Honda hiệu Airblade màu đen biển số 77D1-49769.

[3.4.2] Trả lại cho ông Nguyễn Văn N1: 01 (Một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe novo, biển số 77D1-10725.

(Các vật chứng nêu tại các mục 3.2, 3.3, 3.4, hiện đang giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3- tỉnh Gia Lai theo Biên bản về việc giao, nhận tài sản thi hành án ngày 22/8/2025, giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh G và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3- tỉnh Gia Lai).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn S, Trương Đức K, Đinh Quang L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 3-Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3-tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Lưu VP- HSVA;
- THA phạt tù.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bá Tùng